TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2026
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Hà Minh Hằng**

2. Bà Phạm Thanh Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Vũ Linh –** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa**:* **Ông Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026; Thông báo về việc thay đổi thay gian mở phiên toà số 103/2026/TB-TĐTGMPT, ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Huỳnh Dạ N**, sinh năm 1986 *(Có mặt)*

Căn cước công dân số: 091186007632 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/9/2022.

Địa chỉ: ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* **Ông Võ Văn V**, sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*

Căn cước công dân số: 091083000413 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/3/2021.

Địa chỉ: ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Dạ N trình bày: Bà N và ông Văn tự N1 yêu thương nhau, tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là xã A, tỉnh An Giang vào ngày 28/4/2009. Trong đời sống chung vợ chồng, bà N và ông V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người đều có cách suy nghĩ khác nhau, thường xuyên nãy sinh những bất đồng về quan điểm, suy nghĩ đến lối sống, ngoài ra ông V còn có tính gia trưởng, thường xuyên đánh đập vợ con, mặc dù đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng tính tình của ông vẫn không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai phạt, hiện tại mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bà N và ông V đã ly thân từ khoảng đầu năm 2025 đến nay. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông V có một người con chung là Võ Ngọc N2, sinh ngày 02/4/2008 và cháu Võ Ngọc N3, sinh ngày 19/7/2010. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu N2 và cháu N3 đến tuổi trưởng thành, bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà N xác nhận không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Văn V nhưng ông V đều vắng mặt.

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên về con chung, tính thời điểm xét xử vụ án, người con chung là Võ Ngọc N2 đã đủ tuổi trường thành, nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với Võ Ngọc N2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Riêng ông Võ Văn V vi phạm các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Võ Văn V có địa chỉ cư trú tại ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Võ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là xã A, tỉnh An Giang vào ngày 28/4/2009. Bà N và ông V đều đã đủ tuổi trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn do đó có cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà N và ông V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống gia đình bà và ông V không có tiếng nói chung, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình, không ai chịu nhường nhịn ai nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Bà N và ông V đã sống ly nhiều tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông V để ghi nhận ý kiến của ông nhưng ông V đều vắng mặt, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, qua đó thể hiện ông V đã không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N như trình bày của bà N, kể từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần ông V yêu cầu bà N ly hôn như lời trình bày của bà N tại phiên tòa là có cơ sở.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Dạ N được ly hôn với ông Võ Văn V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông V có một người con là cháu Võ Ngọc N3, sinh ngày 19/7/2010. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu N3 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con cùng bà. Hiện cháu N3 do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu N3 được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên đồng thời không làm xáo trộn trong đời sống sinh hoạt, tâm lý phát triển của người con chung nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu N3 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục là phù hợp như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 7 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng Võ Ngọc N2 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với Ngọc N2.

Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Dạ N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Huỳnh Dạ N phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Dạ N được ly hôn với ông Võ Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc N3, sinh ngày 19/7/2010 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N3 đủ 18 tuổi, bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng người con chung là Võ Ngọc N2 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Võ Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Dạ N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Dạ N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007754 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy bà N đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7 - An Giang;
- UBND xã An Minh, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn